TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **51**/2021/DSST. Ngày: 22/02/2021	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
V/v tranh chấp "Hợp đồng góp hụi".	**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Đạt**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Châu Văn Bình**.

2/ Ông **Trương Hoàng Hoa**.

-Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Thanh Phong**-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

-Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 347/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp *"Hợp đồng góp hụi"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 36/2021/QĐST-DS ngày 22/01/2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Đào Thị A**, sinh năm 1954.

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Hồ Thị B**, sinh năm 1976. (có mặt)

Địa chỉ: khu M1, thị trấn X, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:*

1/ Bà **Võ Thị C**, sinh năm 1983. (vắng mặt)

2/ Ông **Lê Quang D**, sinh năm 1981. (vắng mặt)

Trú tại: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Hồ Thị B trình bày:

Vào năm 2018, 2019, bà Đào Thị A có chơi hụi do bà Võ Thị C làm đầu thảo. Ngoài tham gia chơi hụi, bà A còn mua hụi lại của các hụi viên thông qua bà C.

Các dây hụi bà A đã đóng hụi sống nhưng chưa hốt được hụi, gồm:

1/ Dây hụi khui ngày 12/12/2018 (ÂL), hụi 5.000.000 đồng/phần, hụi có 21 phần, bà A tham gia 01 phần, đóng hụi sống 17 kỳ. Đến kỳ bà A hốt hụi thì bà C không giao tiền hụi. Dây hụi này bà C còn nợ 17 kỳ x 5.000.000 đồng/kỳ = 85.000.000 đồng.

2/ Dây hụi khui ngày 10/5/2019 (ÂL), hụi 3.000.000 đồng/phần, hụi có 22 phần, bà A tham gia 01 phần, đóng hụi sống 13 kỳ. Đến nay bà C đã bỏ trốn không

khui hụi cũng không giao hụi gì cho bà A. Dây hụi này bà C còn nợ 13 kỳ x 3.000.000 đồng/kỳ = 39.000.000 đồng.

3/ Dây hụi khui ngày 07/9/2019 (ÂL), hụi 1.000.000 đồng/phần, hụi có 21 phần, bà A tham gia 02 phần, đóng hụi sống 09 kỳ. Đến nay bà C đã bỏ trốn không khui hụi cũng không giao hụi gì cho bà A. Dây hụi này bà C còn nợ 09 kỳ x 2.000.000 đồng/kỳ = 18.000.000 đồng.

4/ Dây hụi khui ngày 08/9/2019, hụi 5.000.000 đồng/phần, hụi có 23 phần, bà A tham gia 02 phần, đóng hụi sống 09 kỳ. Đến nay bà C đã bỏ trốn không khui hụi cũng không giao hụi gì cho bà A. Dây hụi này bà C còn nợ 09 kỳ x 02 phần x 5.000.000 đồng/kỳ = 90.000.000 đồng.

5/ Dây hụi khui ngày 05/10/2019, hụi 3.000.000 đồng/phần, hụi có 20 phần, bà A tham gia 01 phần, đóng hụi sống 08 kỳ. Đến nay bà C đã bỏ trốn không khui hụi cũng không giao hụi gì cho bà A. Dây hụi này bà C còn nợ 08 kỳ x 01 phần x 3.000.000 đồng/kỳ = 24.000.000 đồng.

6/ Dây hụi khui ngày 19/10/2019 (ÂL), hụi 3.000.000 đồng/phần, hụi có 20 phần, bà A tham gia 01 phần, đóng hụi sống 19 kỳ. Đến nay bà C đã bỏ trốn không khui hụi cũng không giao hụi gì cho bà A. Dây hụi này bà C còn nợ 19 kỳ x 01 phần x 3.000.000 đồng/kỳ = 57.000.000 đồng.

7/ Dây hụi khui ngày 13/12/2019 (ÂL), hụi 5.000.000 đồng/phần, hụi có 20 phần, bà A tham gia 03 phần, đóng hụi sống 17 kỳ. Đến nay bà C đã bỏ trốn không khui hụi cũng không giao hụi gì cho bà A. Dây hụi này bà C còn nợ 17 kỳ x 03 phần x 5.000.000 đồng/kỳ = 255.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi bà C và ông D còn nợ bà A là 568.000.000 đồng.

Ngoài ra trong quá trình tham gia chơi hụi với bà C, bà A còn mua bán lại hụi, cụ thể như sau:

1/ Dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 25/6/2019 (ÂL), mãn hụi ngày 25/01/2021 với số tiền 71.000.000 đồng.

2/ Dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 08/9/2019 (DL), mãn hụi ngày 08/5/2021 với số tiền 71.200.000 đồng.

3/ Dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 09/11/2019 (DL), mãn hụi ngày 09/7/2021 với số tiền 59.000.000 đồng.

4/ Dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 05/12/2019, mãn ngày 05/7/2021 với số tiền 25.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền mua hụi là 226.200.000 đồng.

*Như vậy, tổng số tiền đóng hụi và mua hụi là 794.200.000 đồng.

Trong quá trình chơi hụi do bà C làm thảo hụi, chồng bà C là ông Lê Quang D có đi gom tiền hụi cùng với bà C, biết rõ việc bà C làm đầu thảo tổ chức các dây hụi cho các hụi viên tham gia góp hụi, gom hụi và giao hụi.

Nay bà A yêu cầu bà C, ông D liên đới trả lại số tiền 794.200.000 đồng và không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực.

Bị đơn Võ Thị C, Lê Quang D vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về pháp luật tố tụng: Bị đơn là bà Võ Thị C và ông Lê Quang D cư trú tại ấp M, xã N, huyện Chợ Gạo nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà C, ông D mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà Võ Thị C và ông Lê Quang D.

[2] Giữa bà Đào Thị A và bà Võ Thị C có giao dịch dân sự trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện.

Đại diện ủy quyền của bà Đào Thị A trình bày bà Võ Thị C đến thời điểm Tòa án xét xử bà C còn nợ bà A số tiền hụi 794.200.000 đồng; cung cấp chứng cứ là danh sách hụi viên của các dây hụi tham gia, bút tích hợp đồng mua bán hụi và chốt tổng số tiền còn nợ của bà Võ Thị C đối với bà Đào Thị A.

Tại đơn khởi kiện, bà Lữ yêu cầu vợ chồng bà C, ông D liên đới trả cho bà số tiền nợ hụi 794.200.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả khi án có hiệu lực.

Xét thấy, bà Võ Thị C đã nhận đủ số tiền hụi sống mà bà Đào Thị A đã đóng; bà C có làm văn bản xác nhận nội dung mua bán hụi và tổng số tiền nợ; việc bà C không thực hiện đúng nghĩa vụ đã cam kết trong thỏa thuận về việc thanh toán tiền hụi cho bà A và bỏ trốn khỏi địa phương là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận theo nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị A.

Xét thấy bà Võ Thị C làm chủ hụi trong thời kỳ hôn nhân với ông Lê Quang D, ông D có biết; lợi nhuận từ việc làm hụi bà C sử dụng vào mục đích sinh hoạt chung trong gia đình, do đó việc bà A yêu cầu ông D có nghĩa vụ liên đới cùng với bà C trả nợ cho bà là có cơ sở để chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của bà Đào Thị A không yêu cầu tính lãi quá hạn do chậm trả là có lợi cho vợ chồng Võ Thị C và ông Lê Quang D.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

-Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

-Áp dụng khoản 1 Điều 466, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

-Áp dụng Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ.

-Áp dụng điểm đ, khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị A. Buộc bà Võ Thị C và ông Lê Quang D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đào Thị A số tiền 794.200.000 đồng *(Bảy trăm chín mươi bốn triệu hai trăm nghìn đồng),* trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Đào Thị A có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Võ Thị C và ông Lê Quang D chậm trả tiền thì bà C, ông D còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2.Án phí:

-Bà Võ Thị C và ông Lê Quang D phải liên đới chịu 35.768.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

-Bà Đào Thị A được miễn tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà A được quyền kháng cáo và cũng trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án bà C, ông D được quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Tiền Giang;
-VKSND huyện Chợ Gạo;
-C cục THADS huyện Chợ Gạo;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán- Chủ Tọa Phiên Tòa

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Đạt